

Biểu mẫu 09

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS VÕ VĂN TÀN

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Những học sinh lớp 5 các trường tiểu học trong quận Tân Bình đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học có hồ sơ hợp lệ và tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (theo giấy khai sinh hợp lệ).	- Có hộ khẩu thường trú hoặc KT3 ở quận Tân Bình. - Có cha mẹ là công chức, viên chức cơ quan nhà nước, quân đội, công an trên địa bàn quận Tân Bình. - Cha mẹ có công đóng góp xây dựng quận Tân Bình, xây dựng sự nghiệp giáo dục.	- Có hộ khẩu thường trú hoặc KT3 ở quận Tân Bình. - Có cha mẹ là công chức, viên chức cơ quan nhà nước, quân đội, công an trên địa bàn quận Tân Bình. - Cha mẹ có công đóng góp xây dựng quận Tân Bình, xây dựng sự nghiệp giáo dục.	- Có hộ khẩu thường trú hoặc KT3 ở quận Tân Bình. - Có cha mẹ là công chức, viên chức cơ quan nhà nước, quân đội, công an trên địa bàn quận Tân Bình. - Cha mẹ có công đóng góp xây dựng quận Tân Bình, xây dựng sự nghiệp giáo dục.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Chương trình phổ thông 2018	- Chương trình phổ thông 2018	- Chương trình phổ thông 2018	- Giáo dục quốc dân Trung học cơ sở (Quyết định 16)

III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Gia đình: phải quan tâm đến việc học tập và giáo dục đạo đức của học sinh - Học sinh: phải có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực rèn luyện kỹ năng sống	- Gia đình: phải quan tâm đến việc học tập và giáo dục đạo đức của học sinh - Học sinh: phải có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực rèn luyện kỹ năng sống	- Gia đình: phải quan tâm đến việc học tập và giáo dục đạo đức của học sinh - Học sinh: phải có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực rèn luyện kỹ năng sống	- Gia đình: phải quan tâm đến việc học tập và giáo dục đạo đức của học sinh - Học sinh: phải có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực rèn luyện kỹ năng sống
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Có 6 phòng chức năng đáp ứng việc dạy – học - Sân chơi rộng rãi. - Tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa gắn liền với việc rèn kỹ năng sống cho học sinh.	- Có 6 phòng chức năng đáp ứng việc dạy – học - Sân chơi rộng rãi. - Tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa gắn liền với việc rèn kỹ năng sống cho học sinh.	- Có 6 phòng chức năng đáp ứng việc dạy – học - Sân chơi rộng rãi. - Tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa gắn liền với việc rèn kỹ năng sống cho học sinh.	- Có 6 phòng chức năng đáp ứng việc dạy – học - Sân chơi rộng rãi. - Tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa gắn liền với việc rèn kỹ năng sống cho học sinh.
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Đạo đức: 96% Tốt; 4% Khá - Học tập: 35% Giỏi; 40% Khá; 23% TB, 1% Yếu, 1% Kém. - Sức khỏe học sinh: 100% bình thường, không xuất	- Đạo đức: 96% Tốt; 4% Khá - Học tập: 35% Giỏi; 40% Khá; 23% TB, 1% Yếu, 1% Kém. - Sức khỏe học sinh: 100% bình thường, không xuất	- Đạo đức: 96% Tốt; 4% Khá - Học tập: 35% Giỏi; 40% Khá; 23% TB, 1% Yếu, 1% Kém. - Sức khỏe học sinh: 100% bình thường,	- Đạo đức: 96% Tốt; 4% Khá - Học tập: 35% Giỏi; 40% Khá; 23% TB, 1% Yếu, 1% Kém. - Sức khỏe học sinh: 100% bình thường, không

		hiện cong vẹo cột sống	hiện cong vẹo cột sống	không xuất hiện cong vẹo cột sống	xuất hiện cong vẹo cột sống
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Hoàn tất chương trình lớp 6 và đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 7	- Hoàn tất chương trình lớp 7 và đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 8	- Hoàn tất chương trình lớp 8 và đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 9	- Hoàn tất chương trình lớp 9 và đủ điều kiện xét tốt nghiệp THCS. - Đủ khả năng học tập tiếp ở Trung học phổ thông và các trường Trung cấp nghề.

Tân Bình, ngày 01 tháng 8 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Đức Anh Khoa

Biểu mẫu 10

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS VÕ VĂN TÀN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1552	309	337	532	344
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1397 (90.01)	300 (97.08)	303 (89.91)	487 (86.65)	307 (89.24)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	119 (7.67)	7 (2.27)	26 (7.72)	57 (10.14)	29 (8.43)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	34 (2.19)	2 (0.64)	8 (2.37)	16 (2.84)	8 (2.32)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	2 (0.13)	0	0	2	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1552	309	337	562	344
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	752 (48.45)	164 (53.07)	134 (39.76)	297 (52.84)	157 (45.63)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	535 (34.47)	110 (35.59)	126 (37.38)	173 (30.78)	126 (36.63)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	229 (14.76)	27 (8.73)	65 (19.28)	76 (13.52)	61 (17.73)

4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	36 (2.32)	8 (2.58)	12 (3.56)	16 (2.84)	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0.0)	0 (0.0)	0 (0.0)	0 (0.0)	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp thẳng (tỷ lệ so với tổng số)	1517 (97.74)	301 (97.41)	325 (96.44)	547 (97.33)	344 (100)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	746 (48.07)	164 (53.07)	133 (39.46)	292 (51.96)	157 (45.63)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	300 (19.32)	0 (0.0)	0 (0.0)	175 (31.14)	125 (36.33)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	35 (2.26)	8 (2.59)	12 (3.56)	15 (2.67)	0 (0.0)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	14 (0.90)	1 (0.32)	5 (1.48)	8 (1.42)	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	27/51	6/6	11/23	10/21	0/1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	1	0	0	0	1
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					

1	Cấp huyện	12				12
2	Cấp tỉnh/thành phố	8				8
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	345				345
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	344				344
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					157 (45.64)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					125 (36.34)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					62 (18.02)
VII	Số học sinh thi đỗ lớp 10 (tỷ lệ so với tổng số)					190 (61.7)
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	816/736	166/143	173/164	288/274	189/155
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	21	2	3	14	2

Tân Bình, ngày 01 tháng 8 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Anh Khoa



Biểu mẫu 11

UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS VÕ VĂN TÀN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	31	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	31	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn		-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		-
7	Bình quân lớp/phòng học	41/31	-
8	Bình quân học sinh/lớp	1848/41	-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	3351.6	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1331.5	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	48	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	68	

3	Diện tích thư viện (m ²)	120	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	68	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	24	
1.1	Khối lớp 6	6	6
1.2	Khối lớp 7	6	6
1.3	Khối lớp 8	6	6
1.4	Khối lớp 9	6	6
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	23	
2	Cát xét	06	

3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	04	
5	Thiết bị khác...		
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	23	
2	Cát xét	06	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	04	
5	Thiết bị khác...		
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	1
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	06	30	4
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /học sinh
-----	-------------	--------------------	-------------------	-----------------------------

			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	12	6/6		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Tân Bình, ngày 01 tháng 8 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Anh Khoa

Biểu mẫu 12

**UBND QUẬN TÂN BÌNH
TRƯỜNG THCS VÕ VĂN TÀN**

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	81	0	5	55	15	0	6	35	33	0	29	39	2	0
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	67	0	4	50	13	0	0	34	33	0	28	37	2	0
1	Toán	11		2	4	5			8	3		4	7		
2	Lý	4		1	3				1	3		4			
3	Hóa	3			3				1	2		3			
4	Văn	11			10	1			6	5		1	10		
5	Anh	9			8	1			3	6		1	6	2	
6	Sinh	3			3				3			3			
7	Sử	2			2				1	1		1	1		
8	Địa	3			3				2	1			3		
9	GDCD	3			2	1			1	2		1	2		
10	TD	5		1	4				2	3		3	2		
11	AN	3			2	1			1	2		2	1		
12	MT	1				1			1				1		
13	Tin	4			2	2			2	2		2	2		

14	GV Tổng phụ trách Đội	1			1				1				1		
15	KTCN	3			2	1			3			3			
16	Tâm lý học đường	1			1					1			1		
II	Cán bộ quản lý	3	0	1	2	0	0	0	0	3	0	1	2	0	0
1	Hiệu trưởng	1		1						1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					2			2		
III	Nhân viên	11	0	0	3	2	0	6	0	0					
1	Nhân viên văn thư	1				1									
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	1				1									
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	Bảo vệ	3						3							
10	Phục vụ	3						3							

Tân Bình, ngày 01 tháng 8 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Anh Khoa